

Số: 1189/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 10 tháng 5 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc triển khai Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực lao động - thương binh và xã hội trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực lao động - thương binh và xã hội trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 74/TTr-LĐTBXH ngày 25 tháng 4 năm 2022 và Tờ trình số 79/TTr-LĐTBXH ngày 05 tháng 5 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Triển khai Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực lao động - thương binh và xã hội trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (Nghị quyết kèm theo).

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.
2. Quyết định này bãi bỏ Quyết định số 2501/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước của ngành Lao động - Thương binh và Xã hội.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị và cá nhân liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ LĐTBXH;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Chánh, các PCVP. UBND tỉnh;
- Lưu VT, KGVX, KTNS, THNC, Công TTĐT.

<Tannd T5.2022>

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Sơn Hùng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**



Người ký: Hội đồng
nhân dân tỉnh Đồng
Nai
Email:
hdnd@dongnai.gov.v
n
Cơ quan: Tỉnh Đồng
Nai
Thời gian ký:
15.04.2022 14:39:45
+07:00

Số: 07/NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày 15 tháng 4 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Về Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc
lĩnh vực lao động - thương binh và xã hội trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI KHÓA X KỲ HỌP THỨ 6

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của
Chính phủ về Quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản
phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường
xuyên;*

*Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của
Chính phủ về Quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Xét Tờ trình số 27/TTr-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân
dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử
dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực lao động - thương binh và xã hội trên
địa bàn tỉnh Đồng Nai; Báo cáo thẩm tra số 168/BC-BVHXXH ngày 08 tháng 4
năm 2022 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận
của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách
nhà nước thuộc lĩnh vực Lao động - Thương binh và Xã hội trên địa bàn tỉnh
Đồng Nai, gồm:

1. Dịch vụ sự nghiệp giáo dục nghề nghiệp
2. Dịch vụ chăm sóc người có công
3. Dịch vụ về việc làm
4. Dịch vụ trợ giúp xã hội và bảo vệ chăm sóc trẻ em
5. Dịch vụ phòng, chống tệ nạn xã hội

(Phụ lục danh mục chi tiết kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này theo quy định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên vận động tổ chức và Nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân kiến nghị đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Khóa X kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 15 tháng 4 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 15 tháng 4 năm 2022.

Nơi nhận

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội (A+B);
- Văn phòng Chính phủ (A+B);
- Vụ Pháp chế Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh,
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh và các đoàn thể;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VKSND, TAND, CTHADS tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy; ĐĐBQH&HĐND; UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban ngành tỉnh;
- TT. HĐND, UBND cấp huyện;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Báo Đồng Nai, Đài PTTH Đồng Nai;
- Lưu: VT.





PHỤ LỤC

Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sự dùng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực lao động - thương binh và xã hội trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

(Kèm theo Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên dịch vụ sự nghiệp công
1	Dịch vụ sự nghiệp giáo dục nghề nghiệp
1.1	Dịch vụ đào tạo trình độ cao đẳng
1.2	Dịch vụ đào tạo trình độ trung cấp
1.3	Dịch vụ đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng các ngành nghề thuật truyền thống và đặc thù trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp có đào tạo về văn hóa - nghệ thuật bao gồm: Đờn ca tài tử Nam bộ, nghệ thuật biểu diễn dân ca, biểu diễn nhạc cụ truyền thống; các chuyên ngành múa, cải lương; một số nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm đối với giáo dục nghề nghiệp theo danh mục các nghề học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định
1.4	Dịch vụ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng cho phụ nữ, lao động nông thôn, dân tộc thiểu số, người khuyết tật, người thuộc hộ nghèo, cận nghèo, thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an, thanh niên tình nguyện hoàn thành nhiệm vụ thực hiện chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội, người thuộc hộ gia đình bị thu hồi đất nông nghiệp, đất kinh doanh
1.5	Dịch vụ đào tạo các trình độ trung cấp, cao đẳng đối với ngành nghề khó tuyển sinh nhưng xã hội có nhu cầu theo danh mục do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định
1.6	Dịch vụ đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng đối với ngành nghề chuyên môn đặc thù đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp. Các ngành nghề chuyên môn đặc thù do Thủ tướng Chính phủ quy định
2	Dịch vụ chăm sóc người có công
2.1	Dịch vụ trồng và quản lý chăm sóc cây xanh, hoa cảnh nghĩa trang
3	Dịch vụ về việc làm
3.1	Dịch vụ tư vấn cho người lao động
3.2	Dịch vụ giới thiệu việc làm cho người lao động
3.3	Dịch vụ định hướng nghề nghiệp cho người lao động
3.4	Dịch vụ thu thập và cung ứng thông tin người tìm việc
3.5	Dịch vụ thu thập và cung ứng thông tin việc làm trống
3.6	Dịch vụ phân tích, dự báo thông tin thị trường lao động
4	Dịch vụ trợ giúp xã hội và bảo vệ chăm sóc trẻ em
4.1	Dịch vụ chăm sóc đối tượng cần sự bảo vệ khẩn cấp

4.2	Dịch vụ chăm sóc dài hạn cho đối tượng bảo trợ xã hội
4.3	Dịch vụ công tác xã hội và chăm sóc bán trú
5	Dịch vụ phòng, chống tệ nạn xã hội
5.1	Dịch vụ tư vấn dự phòng nghiện ma túy; tư vấn điều trị, cai nghiện ma túy, cai nghiện phục hồi; đào tạo nghề, tạo việc làm cho người nghiện ma túy trong cơ sở cai nghiện ma túy công lập
5.2	Dịch vụ hỗ trợ cho người bán dâm tại cộng đồng
5.3	Dịch vụ hỗ trợ khẩn cấp, hỗ trợ phục hồi và hòa nhập cộng đồng cho nạn nhân mua bán, nạn nhân bị xâm hại tình dục, nạn nhân bị cưỡng bức lao động